

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Trường tiểu học Quảng Bình, xã Quảng Bình, huyện
Quảng Xương của UBND xã Quảng Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 24/3/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Xương về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Trường Tiểu học xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương; Nghị quyết số 247/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Quảng Xương về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trường Tiểu học Quảng Bình, xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương;

Xét Văn bản số 2230/STNMT-BVMT ngày 21/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Trường Tiểu học Quảng Bình, xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của UBND xã Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 683/Tr-STNMT ngày 28/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trường Tiểu học Quảng Bình, xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương (sau đây gọi là Dự án) của UBND xã Quảng Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực

hiện tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trường Tiểu học Quảng Bình, xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương của UBND xã Quảng Bình thực hiện tại xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Chủ tịch UBND xã Quảng Bình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Trường tiểu học Quảng Bình, xã Quảng Bình,
huyện Quảng Xương của UBND xã Quảng Bình

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Trường Tiểu học Quảng Bình, xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương
- Địa điểm thực hiện: Xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ đầu tư: UBND xã Quảng Bình
- + Người đại diện: Ông Lê Thanh Bảo; Chức vụ: UBND xã Quảng Bình
- + Địa chỉ liên hệ: UBND xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Dự án Trường tiểu học Quảng Bình được xây dựng trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích là 11.177,1 m².
- Quy mô: Phục vụ nhu cầu dạy và học cho 551 học sinh và giáo viên, cán bộ nhà trường.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình: Nhà lớp học 21 phòng (diện tích 829,6 m²) cao 3 tầng; Nhà hiệu bộ (diện tích 401,2 m²) cao 3 tầng; Khu nhà ăn bán trú và bếp (diện tích 239,9 m²) cao 2 tầng; Khu nhà bảo vệ và nhà để bơm PCCC (diện tích 28,3 m²) cao 1 tầng; nhà xe giáo viên và học sinh (diện tích 550,0 m²) cao 1 tầng; hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình phụ trợ khác.
- Hoạt động của dự án: Hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh trong trường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 11.177,1 m² theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn thi công xây dựng: phát quang thực vật, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của giáo viên và học sinh trong nhà trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo

các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn lưu lượng 23,6 lít/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 1,32 m³/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm, giặt, vệ sinh tay chân 0,66m³/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 0,66m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển...phát sinh khoảng 6,0m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

+ CTR trong quá trình giải phóng mặt bằng gồm các sản phẩm nông nghiệp (cây lúa)...có khối lượng khoảng 5,9 tấn.

+ Đất nạo vét hữu cơ, bùn bề mặt...: 4.694,2 tấn.

+ CTR trong quá trình thi công các hạng mục công trình, gồm cát, đá, xi măng, gạch vỡ, bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng...có khối lượng khoảng 441,5 tấn/cả quá trình thi công.

3.1.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 2,0kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy thải,...

- Chất thải lỏng nguy hại: Do các máy móc thiết bị không thực hiện bảo dưỡng, thay dầu tại công trường nên chất thải lỏng nguy hại không phát sinh.

3.1.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu; thi công thực hiện dự án,...và các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải từ hoạt động của giáo viên và học sinh có lưu lượng khoảng 40,6 m³/ngày đêm (20,3m³/ngày.đêm nước rửa chân tay; 8,1m³/ngày.đêm nước

thải nhà ăn và 12,2m³/ngày.đêm nước từ nhà vệ sinh). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform, dầu mỡ...

- Lưu lượng nước mưa chảy tràn khoảng 1,3 m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải... thông số ô nhiễm đặc trưng của khí thải gồm: CO, NO₂, CO₂, SO₂,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của giáo viên và học sinh nhà trường có khối lượng là 275,5 kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

3.2.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án chủ yếu là chất thải rắn nguy hại từ quá trình sinh hoạt của giáo viên và học sinh với tổng khối lượng khoảng 0,2kg/ngày. Thành phần bao gồm: Pin, bóng đèn neon, ắc quy...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân lưu lượng 0,66m³/ngày. Bố trí 01 hố lắng thể tích 01 m³ (kích thước 1,0m x 1,0m x 1,0m), lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) chống thấm, để thu gom, xử lý, đảm bảo thời gian lắng trong khoảng 1,5 ngày. Nước thải sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh lưu lượng 0,66m³/ngày. Thuê 02 nhà vệ sinh di động (Dung tích: Bồn nước là 1.050 lít và bồn phân là 500 lít) để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ, với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng (từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển) có lưu lượng 6m³/ngày, thu gom bằng 01 hố lắng thể tích 6m³ (kích thước 3m x 2m x 1m) đảm bảo công suất thu gom lượng nước thải trong 01 ngày. Nước thải sau lắng, tái sử dụng một phần để rửa xe, máy móc, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Sử dụng xe chở xitéc dung tích 5,0 m³ để tưới nước làm ẩm giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt tại tuyến

đường dẫn vào dự án, tần suất ít nhất 04 lần/ngày, có thể tăng thêm vào những ngày nắng, nóng, khô hanh.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực bãi tập kết thực hiện quét dọn sạch trước khi trút đổ vật liệu để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ.

- Lắp dựng tường rào bằng tôn cao 2,0m dài 130m bao xung quanh khu đất để hạn chế bụi phát tán ra khu vực xung quanh, đồng thời bảo vệ công trình.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 02 thùng đựng rác có nắp đậy (dung tích 40 lít/thùng) tại vị trí lán trại công nhân và khu vực công trường thi công.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Đối với CTR trong quá trình GPMB chủ yếu là cây lúa nước, khối lượng 5,9 tấn được người dân thu hoạch trước khi thi công.

- Đối với đất vét hữu cơ, bùn bề mặt...: 4.694,2 tấn, vận chuyển đổ thải tại khu vực bãi đất hoang hóa thôn Xa Thụ, xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương. Diện tích khu vực đổ thải 2.000m², chiều cao đổ thải 2,0m, với sức chứa 3.500m³.

- Đối với CTR từ quá trình thi công các hạng mục công trình (441,5 tấn/cả quá trình thi công):

- + Đối với cát, đá rơi vãi thu gom sau mỗi ca làm việc, tận dụng san nền tại chỗ.

- + Đối với bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 01 thùng chuyên dụng thể tích 50lít/thùng để thu gom, lưu giữ. Thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn, thùng có dán nhãn mác, có nắp đậy theo đúng quy định lưu trữ tạm tại khu vực riêng có mái che cạnh khu lán trại có diện tích 20m². Kết thúc quá trình thi công xây dựng, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước mưa: Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ. Nước mưa trên mái thu gom bằng đường ống D90 - D110 sau đó thoát nước ra mương B900 xung quanh các khu nhà của trường học. Những đoạn giao nhau của các mương thoát nước đều có hố ga (KT: 0,8x0,8x1,0m) kết hợp ga thăm. Tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa $L = 310\text{m}$, số lượng hố ga là 5. (Tọa độ điểm xả thải $X = 2176675$, $Y = 582638$) thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước rửa tay chân có khoảng $20,3\text{m}^3/\text{ngày}$ được dẫn theo đường ống nhựa PVC $\Phi 90$ tự chảy về trạm xử lý nước thải tại chỗ để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải nhà ăn có khoảng $8,1\text{m}^3/\text{ngày}$ được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu mỡ (dung tích 3m^3) rồi tự chảy về thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của dự án để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải nhà vệ sinh có khoảng $12,2\text{m}^3/\text{ngày}$ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 110m^3 (01 bể 50m^3 , 02 bể 30m^3), nước thải sau bể tự hoại tự chảy về thiết bị xử lý nước thải tại chỗ của dự án để tiếp tục xử lý.

Thiết bị xử lý nước thải tại chỗ bằng vật liệu composite của dự án có công suất $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Công nghệ như sau:

Nước thải → Bể lắng + điều hòa/phân hủy bùn → Bể lọc kị khí → Bơm → Bể lọc hiếu khí → Bể lắng/khử trùng → Mạng lưới thoát nước chung khu vực (Tọa độ điểm xả $X = 2208801$, $Y = 569750$).

- Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Trồng cây xanh tại khu vực sân vườn nhằm điều hòa vi khí hậu trong gia đình cũng như tạo cảnh quan môi trường.

- Nhà trường sử dụng các nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động sinh hoạt như: gas, điện...không sử dụng nhiên liệu hóa thạch gây ô nhiễm môi trường. Trang bị thiết bị hút mùi tại khu vực bếp nấu.

- Đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải: Được định kỳ nạo vét theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Thực hiện phân loại các loại CTR tại nguồn (gồm CTR khó phân hủy, CTR dễ phân hủy, CTR có thể tái chế...) mỗi loại bỏ vào các thùng có màu sắc khác nhau theo quy định.

- Trang bị 15 thùng đựng rác dung tích 10 l/thùng bố trí tại mỗi lớp học và khu nhà hiệu bộ, 4 thùng rác loại 60 lít tại khu vực sân, khu vực hành lang mỗi tầng của toà nhà để thu gom rác thải. Các thùng rác được chia thành 2 loại khác nhau (màu xanh và màu vàng); màu xanh đựng rác thải dễ phân hủy, màu vàng đựng rác thải khó phân hủy.

- Trang bị 02 thùng dung tích 160 lít để thu gom rác thải tập trung.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương vận chuyển xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

Trang bị 02 thùng đựng CTNH (dung tích 50 lít/thùng), bố trí khu vực riêng trong nhà kho của nhà trường để lưu trữ CTNH. Thùng có nắp đậy, dán nhãn bên ngoài thùng, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường	Đơn vị tính	Số lượng
1	Công trình thoát nước, xử lý nước thải		
-	03 Bể tự hoại tổng thể tích 110m ³	Bể	03
-	Bể tách dầu mỡ 3m ³	Bể	01
-	Thiết bị xử lý nước thải tại chỗ bằng vật liệu composite tổng công suất 50m ³ /ngày.đêm	TB	01
2	Công trình xử lý khí thải		
-	Lắp đặt ống thoát khí của bể tự hoại	Ống	01
	Lắp đặt quạt hút mùi trong bếp nấu	cái	01
3	Công trình/thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn		
-	Thùng dung tích 50l/thùng đựng CTNH dạng rắn	Thùng	02
-	Thùng dung tích 10l/thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	15
-	Thùng dung tích 60l/thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	04

-	Thùng dung tích 160l/thùng đựng rác thải sinh hoạt	Thùng	02
---	--	-------	----

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường./.